

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/5/2021.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*** Không.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST - HNGĐ ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị C**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Hòn Đất, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ *Bị đơn:* Ông **Lưu Văn C1**, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Hòn Đất, xã Thổ Sơn, huyện huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị C trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thị C và ông Lưu Văn C1 sau thời gian tự tìm hiểu và yêu thương nhau thì được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1995, ông bà có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/3/1995. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được vài năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C1 không tu chí làm ăn, thường xuyên cờ bạc, không lo lắng cho gia đình. Bà C đã cố gắng khuyên ngăn và

vun đắp cho gia đình nhưng ông C1 vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà C và ông C1 đã ly thân với nhau, ông bà không C1 quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không C1, cuộc sống vợ chồng không C1 hạnh phúc, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông C1.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà C và ông C1 có hai người con chung tên Lưu Văn Minh Nguyên, sinh năm 1996 và Lưu Vũ Thùy Linh, sinh năm 1999. Hiện các con chung đã trưởng thành và có công việc ổn định nên bà C không có yêu cầu gì đối với phần con chung.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được 01 căn nhà nhưng bà và ông C1 đã tự thỏa thuận với nhau nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C xác nhận bà và ông C1 không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Lưu Văn C1*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Lưu Văn C1, ông C1 biết sự việc bà C nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông C1 không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn bà Vũ Thị C yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lưu Văn C1. Ông C1 cư trú tại ấp Hòn Đất, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Lưu Văn C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về hôn nhân*: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy bà C và ông C1 kết hôn với nhau vào năm 1995 và được Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/3/1995, như vậy hôn nhân giữa bà C và ông C1 là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo lời khai của bà C trình bày trong quá trình chung sống giữa bà và ông C1 có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông C1 không lo lắng cho gia đình, thường xuyên cờ bạc nên dẫn đến vợ chồng bất hòa. Hiện tại bà C và ông C1 đã ly thân với nhau, ông bà không C1 quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông C1.

Xét thấy do bất đồng quan điểm sống nên trong quá trình chung sống giữa bà C và ông C1 thường xuyên bất hòa dẫn đến việc ông bà đã ly thân với nhau, hiện không C1 quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông C1 nhiều lần nhằm mục đích hòa giải và hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông bà nhưng ông C1 không đến Tòa án làm việc chứng tỏ ông C1 cũng không muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Tòa án đã tiến hành động viên bà C rút đơn đoàn tụ nhưng bà C kiên quyết ly hôn. Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà C và ông C1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không C1 và hôn nhân không đạt được mục đích. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Bà C xác định trong quá trình chung sống bà và ông C1 có với nhau 02 người con chung tên Lưu Văn Minh Nguyên, sinh năm 1996 và Lưu Vũ Thùy Linh, sinh năm 1999. Hiện các con chung đã trưởng thành, bà C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà C và ông C1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà C xác nhận không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Bà Vũ Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Vũ Thị C được ly hôn với ông Lưu Văn C1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 24/3/1995 do Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Vũ Thị C và ông Lưu Văn C1 không có giá trị pháp lý.

2/. Về con chung: Bà C không yêu cầu nên miễn xét.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001346 ngày 19/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà C được nhận lại số tiền án phí là 7.375.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An